

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM 2009
(đã được kiểm toán)**

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LIMITED (AASC)



Trụ sở chính:

Số 1 Lê Phụng Hiểu - Hà Nội - Việt Nam.
Tel : (84.4) 3824 1990 / 1
Fax: (84.4) 3825 3973
E-mail: aaschn@hn.vnn.vn
Website: www.aasc.com.vn

Chi nhánh tại TP. HCM:

Số 27 đường Lam Sơn - Phường 2
Quận Tân Bình - TP. HCM
Tel : (84.8) 3848 5983 - 3848 5776
Fax: (84.8) 3547 1838

VPĐD tại Quảng Ninh:

Cột 2, đường Nguyễn Văn Cừ
TP. Hạ Long - Quảng Ninh
Tel : (84.33) 3627571
Fax: (84.33) 3627572
E-mail: aascqn@aasc.com.vn



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	7-31
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12-31



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng, tên giao dịch quốc tế Investment & Construction Development Corporation, viết tắt là Investco. Corp được chuyển đổi từ Công ty Đầu tư và Phát triển Xây dựng - thuộc Tổng công ty Xây dựng Hà Nội theo quyết định số 2077/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103003118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 02 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 02 ngày 23 tháng 04 năm 2007.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 201 Võ Thị Sáu, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh:

- Đầu tư, xây dựng kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, buru điện, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì trang thiết bị các công trình cấp thoát nước, hệ thống điều hòa nhiệt độ và các loại thang máy;
- Tư vấn đầu tư, quản lý dự án, tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và các công trình kỹ thuật hạ tầng, quy hoạch xây dựng và thiết kế quy hoạch chi tiết, khảo sát đo đạc địa hình;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình thủy điện; kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn, các công trình thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí, môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Khai thác, chế biến khoáng sản, khoan khai thác nước ngầm, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Xây dựng số 2	84 Trần Quốc Toàn, quận 3, TP HCM
2	Xí nghiệp Xây dựng số 4	155 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP HCM
3	Xí nghiệp Xây dựng số 6	1047 Trần Hưng Đạo, phường 5, quận 5, TP HCM
4	Xí nghiệp Xây dựng số 9	129/18 Lý Thường Kiệt, quận Tân Bình, TP HCM
5	Xí nghiệp Xây lắp Cơ điện	232/5 Cao Thắng, phường 12, quận 10, TP HCM
6	Xí nghiệp Thi công Cơ giới	89 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, TP HCM

Công ty có các công ty con:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (*)	Quyền biểu quyết (*)
1	Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư – Thiết kế Xây dựng	201 Võ Thị Sáu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Xây dựng IN VE CO	12 Hồ Xuân Hương, phường 14, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	54%	54%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công nghiệp IN VE CO IN	19 Đường 783A Tạ Quang Bửu, phường 4, quận 8, TP. Hồ Chí Minh	82%	68%
4	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Hà Nội 1	Phòng 207 – B3A, làng QT Thăng Long, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	30%	30%(**)
5	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Địa Long	1047 Trần Hưng Đạo, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh	51%	30%(***)

(*) Tỷ lệ lợi ích xác định theo tỷ lệ vốn thực góp tại 31/12/2009, quyền biểu quyết xác định theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

(**) Theo Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Hà Nội 1, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng được coi là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Hà Nội 1, có quyền trực tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con.

(***) Theo Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa Long, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng được coi là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa Long, có quyền trực tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 là 35.126.046.945 VND

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị gồm:

Ông :	Viên Ngọc Bảo	Chủ tịch
Ông :	Trần Đại Quang	Phó chủ tịch
Bà :	Quách Thị Hòa	Ủy viên
Ông :	Phạm Văn Khiêm	Ủy viên
Ông :	Nguyễn Văn Út	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc gồm:

Ông :	Viên Ngọc Bảo	Tổng Giám đốc
Ông :	Phạm Văn Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Lê Huy Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Hà Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Bà :	Trịnh Thị Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Trần Đại Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Mai Văn Phòng	Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 15/10/2009

Các thành viên của Ban kiểm soát gồm:

Ông :	Trần Quang Lược	Trưởng ban
Bà :	Hồ Thị Kim Hà	Thành viên
Ông :	Lê Tỳ	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2010



TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

VIÊN NGỌC BẢO



Số: 95 /2010/BC.TC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng

Kính gửi: **Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng được lập ngày 31 tháng 03 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP HCM, ngày 05 tháng 04 năm 2010

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)**



BUI VĂN THẢO

Chứng chỉ KTV số : 0522/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Chứng chỉ KTV số : Đ0061/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
	TÀI SẢN			
100	A. Tài sản ngắn hạn		895.582.042.116	833.966.417.707
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	VI.1	104.702.969.861	41.238.788.023
111	1. Tiền		104.702.969.861	41.238.788.023
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		7.800.000.000	4.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	VI.2	7.800.000.000	4.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu		114.041.582.466	181.956.646.209
131	1. Phải thu của khách hàng		70.390.838.710	132.059.514.834
132	2. Trả trước cho người bán		26.275.710.242	20.707.860.780
135	5. Các khoản phải thu khác	VI.3	17.421.595.968	29.336.833.049
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(46.562.454)	(147.562.454)
140	IV. Hàng tồn kho	VI.4	632.475.170.070	558.319.372.145
141	1. Hàng tồn kho		632.475.170.070	558.319.372.145
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		36.562.319.719	48.451.611.330
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	98.092.041
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	7.841.292
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	VI.5	36.562.319.719	48.345.677.997
200	B. Tài sản dài hạn		175.377.222.677	133.771.196.602
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		44.634.898.167	35.428.388.843
221	1. Tài sản cố định hữu hình	VI.6	38.340.065.708	29.787.301.763
222	- Nguyên giá		60.670.318.959	46.750.472.190
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(22.330.253.251)	(16.963.170.427)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	VI.7	5.556.434.670	5.563.035.807
228	- Nguyên giá		5.695.845.288	5.642.724.600
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(139.410.618)	(79.688.793)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		738.397.789	78.051.273
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		99.923.701.236	83.419.206.759
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	VI.8	100.423.701.236	84.420.870.759
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	VI.9	(500.000.000)	(1.001.664.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		30.818.623.274	14.923.601.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	VI.10	30.818.623.274	14.873.601.000
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	50.000.000
269	VI. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.070.959.264.793	967.737.614.309

1001
CHÍNH
CÔNG
HÀNH
VỤ TƯ
KẾ
TOÁN
(NỘI)
CH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
NGUỒN VỐN				
300	A . Nợ phải trả		808.840.791.042	728.606.414.245
310	I. Nợ ngắn hạn		710.233.159.649	624.501.140.919
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	VI.11	196.381.541.921	194.282.060.414
312	2. Phải trả cho người bán		119.065.780.915	33.281.340.790
313	3. Người mua trả tiền trước		287.608.404.965	217.163.402.106
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	VI.12	39.242.395.096	50.395.175.910
315	5. Phải trả người lao động		2.258.276.153	815.691.446
316	6. Chi phí phải trả	VI.13	17.236.776.065	18.675.688.018
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	VI.14	48.339.984.534	109.887.782.235
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		100.000.000	-
330	II. Nợ dài hạn		98.607.631.393	104.105.273.326
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác	VI.15	24.000.000.000	30.000.000.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	VI.16	74.028.207.200	73.615.739.360
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		579.424.193	489.533.966
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
400	B . Nguồn vốn chủ sở hữu		233.425.878.996	211.677.246.835
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu	VI.17	233.046.236.690	208.896.972.022
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		36.870.650.000	36.870.650.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(1.275.245.085)	(619.296.562)
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(8.714.496)	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		10.522.140.305	10.513.516.872
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.756.322.255	2.750.916.817
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		273.719.917	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		33.907.363.794	9.381.184.895
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		379.642.306	2.780.274.813
431	1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		379.642.306	2.780.274.813
432	2. Nguồn kinh phí		-	-
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
439	C. Lợi ích của cổ đông thiểu số		28.692.594.755	27.453.953.229
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.070.959.264.793	967.737.614.309

105-UL
ANH
TY
TU HAN
VAN
DAN
MINH

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	403.531.033	403.531.033
5. Ngoại tệ các loại	USD	36.078,27	35.145,97
	EUR	-	6,19
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Văn Thanh

Nguyễn Thị Quỳnh Loan

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc



Viên Ngọc Bảo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2009

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VII.18	626.614.474.738	510.446.237.050
02	2. Các khoản giảm trừ	VII.19	715.065.882	150.657.491
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VII.20	625.899.408.856	510.295.579.559
11	4. Giá vốn hàng bán	VII.21	571.192.200.398	473.455.191.279
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		54.707.208.458	36.840.388.280
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VII.22	24.395.003.059	34.825.679.975
22	7. Chi phí tài chính	VII.23	9.173.168.931	21.784.070.415
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		9.674.566.358	20.782.406.415
24	8. Chi phí bán hàng		357.726.813	888.990.384
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		25.060.242.271	24.972.010.072
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		44.511.073.502	24.020.997.384
31	11. Thu nhập khác	VII.24	4.026.425.611	7.271.307.326
32	12. Chi phí khác	VII.25	921.971.544	3.179.071.849
40	13. Lợi nhuận khác		3.104.454.067	4.092.235.477
45	14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, LD		-	-
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		47.615.527.569	28.113.232.861
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VII.26	9.242.786.296	4.539.532.147
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		38.372.741.273	23.573.700.714
61	19. Lợi ích của cổ đông thiểu số		3.246.694.328	2.013.561.219
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		35.126.046.945	21.560.139.495
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VII.27	2.192	1.437

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Lê Văn Thanh

Nguyễn Thị Quỳnh Loan



Lập ngày 31 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc

Viên Ngọc Bảo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2009

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		781.371.535.857	647.580.855.821
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(513.556.597.079)	(482.888.827.808)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(112.563.222.880)	(61.450.675.244)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(32.747.026.367)	(40.802.770.838)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(10.906.101.965)	(509.431.485)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		110.127.238.354	155.660.953.660
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(157.477.938.930)	(172.898.498.690)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		64.247.886.990	44.691.605.416
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác		(12.277.468.933)	(2.726.827.657)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		501.472.726	1.073.376.861
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(110.800.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		107.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5.285.173.000)	(10.703.970.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		20.842.400.000	31.702.010.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.486.716.200	17.646.483.169
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		12.467.946.993	36.991.072.373
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	10.466.887.144
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(11.177.200.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		356.681.572.502	99.181.260.280
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(354.225.891.635)	(179.478.653.886)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(15.755.302.671)	(7.033.077.253)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13.299.621.804)	(88.040.783.715)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		63.416.212.179	(6.358.105.926)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		41.238.788.023	47.598.437.378
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		47.969.659	(1.543.429)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		104.702.969.861	41.238.788.023

Người lập biểu



Lê Văn Thanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Quỳnh Loan

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2010
Tổng Giám đốc



Viên Ngọc Bảo

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng được chuyển đổi từ Công ty Đầu tư và Phát triển Xây dựng - thuộc Tổng công ty Xây dựng Hà Nội theo quyết định số 2077/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103003118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 02 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 02 ngày 23 tháng 04 năm 2007.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 201 Võ Thị Sáu, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư, xây dựng kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì trang thiết bị các công trình cấp thoát nước, hệ thống điều hòa nhiệt độ và các loại thang máy;
- Tư vấn đầu tư, quản lý dự án, tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và các công trình kỹ thuật hạ tầng, quy hoạch xây dựng và thiết kế quy hoạch chi tiết, khảo sát đo đạc địa hình;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình thủy điện; kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn, các công trình thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí, môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Khai thác, chế biến khoáng sản, khoan khai thác nước ngầm, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

3. Các đơn vị trực thuộc:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Xây dựng số 2	84 Trần Quốc Toàn, quận 3, TP HCM
2	Xí nghiệp Xây dựng số 4	155 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP HCM
3	Xí nghiệp Xây dựng số 6	1047 Trần Hưng Đạo, phường 5, quận 5, TP HCM
4	Xí nghiệp Xây dựng số 9	129/18 Lý Thường Kiệt, quận Tân Bình, TP HCM
5	Xí nghiệp Xây lắp Cơ điện	232/5 Cao Thắng, phường 12, quận 10, TP HCM
6	Xí nghiệp Thi công Cơ giới	89 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, TP HCM

4. Thông tin về các công ty con:

Tổng số các công ty con: 05 công ty

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05 công ty
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Danh sách các công ty con được hợp nhất:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động Kinh doanh Chính	Tỷ lệ lợi ích (*)	Quyền biểu quyết (*)
1	Công ty TNHH MTV TV Đầu tư – Thiết kế Xây dựng	TP Hồ Chí Minh	Tư vấn	100%	100%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Xây dựng IN VE CO	TP Hồ Chí Minh	Xây lắp	54%	54%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công nghiệp IN VE CO IN	TP Hồ Chí Minh	Xây lắp	82%	68%
4	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Hà Nội 1	TP Hà Nội	Xây lắp	30%	30%**
5	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Địa Long	TP Hồ Chí Minh	Xây lắp	51%	30%***

(*) Tỷ lệ lợi ích xác định theo tỷ lệ vốn thực góp tại 31/12/2009, quyền biểu quyết xác định theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

(**) Theo Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Hà Nội 1, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng được coi là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Hà Nội 1, có quyền trực tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con.

(***) Theo Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa Long, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng được coi là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa Long, có quyền trực tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

IV. CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các báo cáo tài chính tham gia hợp nhất:

1. Báo cáo tài chính riêng năm 2009 của Công ty mẹ được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn bộ.
2. Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty con Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư – Thiết kế Xây dựng được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán với ý kiến ngoại trừ - Tại thời điểm 31/12/2009, số vốn thực góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng là 1.162.757.845 đồng, số vốn góp đang ghi nhận là 5.000.000.000 đồng.
3. Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty con Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Xây dựng IN VE CO được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn bộ.
4. Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty con Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công nghiệp IN VE CO IN được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn bộ.

5. Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty con Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng 1 Hà Nội được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán với ý kiến chấp nhận từng phần.

6. Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty con Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa Long được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn bộ.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đối với giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án được xác định theo chi phí thực tế phát sinh đến thời điểm lập báo cáo tài chính sau khi trừ đi giá vốn ước tính của phần công việc đã hoàn thành và kết chuyển doanh thu đến thời điểm lập báo cáo.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ - BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ

1001
CHI
CƠ
TINH
H VU
HINH A
KIEM T
HA NG
P HO

Thời gian ước tính như sau.

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 18	Năm
- Máy móc, thiết bị	06 – 07	năm
- Phương tiện vận tải	06 – 08	năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05	Năm
- Tài sản cố định vô hình	03	Năm

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết, liên doanh được ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng phải được điều chỉnh khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết.

Khoản đầu tư khác được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

11105
NHÀ
IG TY
M HỮU
TU VẤN
Ế TOÁN
OÁN
CHÍ MINH

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá của ngân hàng thương mại có giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán theo hướng dẫn tại thông tư 201/2009/TT-BTC.

13. Nguyên tắc ghi nhận lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định là phần lợi ích trong kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một công ty con tương ứng với các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

Các khoản lỗ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong công ty con được hợp nhất có thể lớn hơn số vốn của họ trong công ty con. Khoản lỗ vượt trên phần vốn của các cổ đông thiểu số này được tính giảm vào phần lợi ích của công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp các khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi đó sẽ được phân bổ vào phần lợi ích của công ty mẹ cho tới khi phần lỗ trước đây do công ty mẹ gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó



Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện được khách hàng xác nhận đến thời điểm cuối kỳ và được phản ánh trên hóa đơn tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Chi phí đi vay trong kỳ là giá trị thuần của các khoản chi phí đi vay phải trả sau khi giảm trừ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Ngân hàng phát triển Việt Nam.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

17. Phân phối lợi nhuận

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng, lợi nhuận sau thuế của Công ty thuộc sở hữu của cổ đông được phân phối như sau:

Trích Quỹ dự trữ 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi bằng 25% vốn điều lệ.

Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ đầu tư phát triển không thấp hơn 5% lợi nhuận sau thuế cho mỗi loại tùy thuộc vào kết quả kinh doanh hàng năm.

Quỹ phúc lợi được trích lập theo đề nghị của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua cho từng năm

Lợi nhuận còn lại do Hội đồng quản trị đề nghị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền mặt	4.653.555.219	13.171.373.227
Tiền gửi ngân hàng	100.049.414.642	28.067.414.796
Cộng	104.702.969.861	41.238.788.023

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	7.800.000.000	4.000.000.000
Cộng	7.800.000.000	4.000.000.000

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Phải thu xí nghiệp, đội xây dựng và cá nhân về tiền ứng thi công công trình	4.954.816.906	7.359.880.683
Phải thu Viên Ngọc Ban - Công trình nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ	6.130.896.752	7.000.896.752
Phải thu Nguyễn Trọng Phúc - Công trình nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ	5.261.588.870	6.161.588.870
Phải thu các cá nhân về tiền mua cổ phần	-	6.706.150.000
Phải thu lãi vay trả hộ người lao động	-	838.615.358
Phải thu lãi vay thi công trình cao ốc Phú Nhuận	-	251.477.589
Phải thu phí bảo lãnh hộ các công trình	-	172.114.981
Phải thu thuế TNCN, BHXH	176.409.232	128.026.825
Phải thu khác	897.884.208	718.081.991
Cộng	17.421.595.968	29.336.833.049

4. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.810.046	265.884.511
Công cụ, dụng cụ	-	108.341.187
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	631.660.582.424	557.137.368.847
<i>Các dự án</i>	371.580.570.882	313.002.324.482
<i>Các công trình xây lắp</i>	260.080.011.542	244.135.044.365
Thành phẩm	807.777.600	807.777.600
<i>Nhà 59 O Nguyễn Kiệm</i>	807.777.600	807.777.600
Cộng giá gốc hàng tồn kho	632.475.170.070	558.319.372.145

100771
 CHI NHÁNH
 CÔNG TY
 MỘT HỒ SƠ
 KẾ TOÁN
 ANH

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tạm ứng	31.047.604.995	14.740.678.667
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.514.714.724	33.604.999.330
Cộng	36.562.319.719	48.345.677.997

6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Đơn vị tính: VND
					Cộng TSCĐ
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	7.296.884.730	25.283.513.068	10.360.286.702	3.809.787.690	46.750.472.190
Tăng trong năm	2.481.579	13.318.036.368	2.069.085.535	418.502.897	15.808.106.379
- Mua sắm	2.481.579	13.318.036.368	2.069.085.535	418.502.897	15.808.106.379
Giảm trong năm	-	1.740.719.234	-	147.540.376	1.888.259.610
- Thanh lý, nhượng bán	-	572.727.272	-	-	572.727.272
- Giảm khác	-	1.167.991.962	-	147.540.376	1.315.532.338
Số cuối năm	7.299.366.309	36.860.830.202	12.429.372.237	4.080.750.211	60.670.318.959
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	1.011.511.487	7.850.760.876	5.079.780.724	3.021.117.340	16.963.170.427
Tăng trong năm	186.647.792	4.290.843.598	1.734.405.405	519.581.548	6.731.478.343
- Trích khấu hao TSCĐ	186.647.792	4.290.843.598	1.734.405.405	519.581.548	6.731.478.343
Giảm trong năm	-	1.216.855.143	-	147.540.376	85.909.091
- Thanh lý, nhượng bán	-	85.909.091	-	-	85.909.091
- Giảm khác	-	1.130.946.052	-	147.540.376	-
Số cuối năm	1.198.159.279	10.924.749.331	6.814.186.129	3.393.158.512	22.330.253.251
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.285.373.243	17.432.752.192	5.280.505.978	788.670.350	29.787.301.763
Số cuối năm	6.101.207.030	25.936.080.871	5.615.186.108	687.591.699	38.340.065.708

7. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND
					Cộng TSCĐ vô hình
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	5.473.922.100	-	-	168.802.500	5.642.724.600
Tăng trong năm	-	-	-	53.120.688	53.120.688
- Do mua sắm	-	-	-	53.120.688	53.120.688
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	5.473.922.100	-	-	221.923.188	5.695.845.288
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	-	-	-	79.688.793	79.688.793
Tăng trong năm	-	-	-	59.721.825	59.721.825
- Do trích khấu hao	-	-	-	59.721.825	59.721.825
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-	139.410.618	139.410.618
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.473.922.100	-	-	89.113.707	5.563.035.807
Số cuối năm	5.473.922.100	-	-	82.512.570	5.556.434.670

8. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Số lượng CP	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Cổ phiếu		62.851.713.595	54.513.406.118
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM CII	21.732	944.414.000	3.610.164.000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP An Bình	2.406.908	25.094.221.000	20.884.365.000
Cổ phiếu Công ty CP Bê tông Hải Âu	100.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Tư vấn Xây dựng Tổng hợp	47.900	957.003.680	957.003.680
Cổ phiếu Công ty CP Tập đoàn Mai Linh	750.000	8.250.000.000	5.750.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp nước	25.200	277.200.000	277.200.000
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Hạ tầng & Đô thị Dầu khí	1.903.000	19.030.000.000	19.030.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Thủy Thiên	200.000	2.400.000.000	2.400.000.000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội	100.000	3.000.000.000	-
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng (phần lợi ích của cổ đông thiểu số đầu tư)	131.319	1.898.874.915	604.673.438
Trái phiếu		40.000.000	21.216.650.000
Trái phiếu Chính phủ (Mệnh giá 40.000.000 đồng)		40.000.000	40.000.000
Trái phiếu chuyển đổi công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM (CII)		-	18.176.650.000
Trái phiếu chuyển đổi Ngân hàng TMCP Quân đội		-	3.000.000.000
Góp vốn hợp tác kinh doanh	Tỷ lệ	37.531.987.641	8.690.814.641
Công ty CP BOT Cầu Phú Mỹ (góp vốn theo tiến độ)		23.410.736.641	398.736.641
Công ty CP Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam	0,4%	140.000.000	140.000.000
Công ty CP Du lịch Mê Kông Mỹ Tho	5%	2.500.000.000	1.820.000.000
Công ty CP BOO Đồng Tâm	1,2%	3.615.000.000	3.615.000.000
Dự án 360 Giải Phóng, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	55%	7.836.251.000	2.687.078.000
Cổ phần Công ty Cổ phần Doanh nhân trẻ	0,77%	30.000.000	30.000.000
Cộng		100.423.701.236	84.420.870.759

9. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn (*)	(500.000.000)	(1.001.664.000)
Cộng	(500.000.000)	(1.001.664.000)

(*) Chi tiết dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn:

Tên chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Giá trị theo số kế toán	Giá trị theo giá thị trường	Dự phòng giảm giá
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội	100.000	3.000.000.000	2.500.000.000	(500.000.000)

(*) Công ty xác định giá trị thị trường để trích lập dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu MB là 25.000 đồng/cổ phần theo giá giao dịch thực hiện thấp nhất ngày 31/12/2009 do trang web Stocknews.vn công bố

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	30.617.359.909	14.651.284.702
Tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	17.998.184.454	6.399.693.977
Tại Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư - Thiết kế Xây dựng	55.696.355	111.808.335
Tại Công ty CP Đầu tư & Công nghệ Xây dựng IN VE CO	564.495.897	692.495.514
Tại Công ty CP Đầu tư Xây dựng Công nghiệp IN VE CO IN	3.145.168.911	3.435.305.486
Tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng 1 Hà Nội	3.670.999.019	861.560.626
Tại Công ty CP Đầu tư Xây dựng Địa Long	5.182.815.273	3.150.420.764
Chi phí sửa chữa và chi phí trả trước dài hạn khác	201.263.365	222.316.298
Tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	119.681.619	135.125.038
Tại Công ty CP Đầu tư Xây dựng Công nghiệp IN VE CO IN	-	87.191.260
Tại Công ty CP Đầu tư & Công nghệ Xây dựng IN VE CO	81.581.746	-
Cộng	30.818.623.274	14.873.601.000

11. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	179.064.245.281	146.352.510.062
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>132.864.610.513</i>	<i>107.921.823.519</i>
<i>Vay Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thanh Danh</i>	<i>23.012.000.000</i>	-
<i>Vay Tổng công ty Xây dựng Hà Nội</i>	-	<i>24.746.904.515</i>
<i>Vay cá nhân</i>	<i>23.187.634.768</i>	<i>13.683.782.028</i>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem chi tiết vay dài hạn)	17.317.296.640	47.929.550.352
Cộng	196.381.541.921	194.282.060.414

(*) Chi tiết vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Số hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Phương thức đảm bảo tiền vay
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn CN Sài Gòn	1600-LDS-200900656	Theo từng kế ước	Theo từng kế ước	40.163.455.385	Tài sản
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn CN 3	1600-LAV-200800454	10,5%/ năm	Theo từng kế ước	19.677.574.156	Tài sản
Ngân hàng TMCP An Bình	0583/09/TD	Theo từng kế ước	Theo từng kế ước	35.738.546.939	Tài sản
Ngân hàng TMCP Quân đội	236/2007/TD-NHQĐ-HCM	Theo từng kế ước	Theo từng kế ước	10.621.606.710	Tài sản
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn CN Đông Sài Gòn	6280LAV-200900580	Theo từng lần nhận nợ	Theo từng lần nhận nợ	2.142.565.948	Tài sản
Ngân hàng liên doanh Lào Việt		Theo từng kế ước	Theo từng kế ước	10.825.198.980	Tài sản

D: 01
 C
 TRÁCH
 DICH
 I CHÍN
 Á KIẾ
 TP. H

Bên cho vay	Số hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Phương thức đảm bảo tiền vay
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam CN Hà Nội		Theo từng khế ước	Theo từng khế ước	13.695.662.396	Tài sản
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thanh Danh	08/HĐVV	12,6%/năm	12 tháng	23.012.000.000	Đảm bảo bằng Cổ phiếu PMC
Vay cá nhân tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng				21.940.002.767	Tín chấp
Vay cá nhân tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng công nghiệp IN VE CO IN				150.000.000	Tín chấp
Vay cá nhân tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Xây dựng IN VE CO				327.632.000	Tín chấp
Vay cá nhân tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng 1 Hà Nội				770.000.000	Tín chấp
Cộng				179.064.245.281	

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	29.832.930.528	39.428.024.686
Thuế xuất, nhập khẩu	-	330.568.570
Thuế TNDN	9.084.695.393	10.444.808.440
Thuế thu nhập cá nhân	324.769.175	17.254.535
Các loại thuế khác	-	174.519.679
Cộng	39.242.395.096	50.395.175.910

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Trích trước chi phí thuộc Dự án Đồng Điều F4Q8	15.664.441.737	17.737.926.983
Trích trước chi phí thuộc công trình TTX Việt Nam	-	239.776.168
Trích trước chi phí thuộc Công trình Thảo Điền	-	23.093.530
Trích trước chi phí cải tạo chống lún và khu vệ sinh tòa nhà công ty IPD	-	234.321.054
Trích trước chi phí khoan lõi cọc nhồi 25Bis NTMK	68.640.396	81.920.396
Trích trước chi phí khoan cọc nhồi rạch cầu sông Xáng	65.648.469	65.648.469
Trích trước chi phí thi công sửa chữa tòa nhà công ty IPD	18.549.500	24.325.418
Trích trước chi phí thuộc Công trình Nhà thi đấu TDTT Phú Thọ	766.960.163	-
Trích trước lãi vay phải trả	595.035.800	156.176.000
Trích trước phí kiểm toán	57.500.000	112.500.000
Cộng	17.236.776.065	18.675.688.018

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.303.338.346	1.310.214.194
Bảo hiểm xã hội, BHYT	337.361.500	113.296.168
Phải trả Tổng công ty Xây dựng Hà Nội (*)	21.166.882.252	20.390.616.263
Tiền thi công đội xây dựng các công trình	9.311.688.673	43.615.723.839
Phải trả Ngân hàng NN & PTNN CN3 tiền ký quỹ bảo lãnh	-	11.179.824.065
Mượn tiền của Đại học Y Dược	8.000.000.000	-
Phải trả tiền đền bù, giải toà mặt bằng	1.558.500.000	-
Phải trả Ngân hàng NN & PTNN CN Sài Gòn tiền ký quỹ bảo lãnh	-	10.631.402.391
Phải trả Ngân hàng TMCP Quân đội tiền ký quỹ bảo lãnh	-	4.348.606.383
Phải trả cổ đông tiền cổ tức	1.072.329.303	6.581.056.573
Phải trả Công ty TNHH DV TM Hà Nội về hợp tác kinh doanh	-	5.572.821.000
Vay không tính lãi của các cá nhân	2.809.477.145	4.827.957.236
Phải trả khác	2.780.407.315	1.316.264.123
Cộng	48.339.984.534	109.887.782.235

(*) Chi tiết phải trả Tổng công ty Xây dựng Hà Nội

Lãi vay các khế ước	11.031.958.499	11.031.958.499
Hỗ trợ vốn làm trạm trộn bê tông	1.830.260.394	3.307.471.418
Tạm ứng công trình An Phú An Khánh	4.500.000.000	-
Hỗ trợ vốn mua xe bơm bê tông	1.275.994.089	-
Hỗ trợ vốn mua xe chuyên trộn	1.483.311.206	2.252.673.400
Khấu hao tài sản cố định	1.045.358.064	2.035.668.142
Cổ tức phải trả	-	1.559.812.800
Phải trả về cổ phần hóa	-	117.724.503
Các khoản khác	-	85.307.501
Cộng	21.166.882.252	20.390.616.263

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM (CII) (*)	24.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	24.000.000.000	30.000.000.000

(*) tiền nhận góp vốn hợp tác kinh doanh đầu tư Dự án Khu cao ốc thương mại và chung cư cao cấp Âu Cơ Plaza theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2007/HĐHTĐT-CII ngày 22/01/2007 và Phụ lục hợp đồng ngày 16/02/2007.

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay dài hạn	74.028.207.200	73.615.739.360
Vay ngân hàng (*)	24.028.207.200	23.615.739.360
Trái phiếu phát hành	50.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	74.028.207.200	73.615.739.360

(*) Chi tiết vay dài hạn cuối kỳ

Bên cho vay Số hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Đến hạn trả trong kỳ tới	Phương thức đảm bảo tiền vay
055/2008/NHQĐ- HCM/HĐTDDH Ngân hàng TMCP Quân đội	17,4%/năm	36 tháng	160.300.000	139.100.000	Tài sản
006/TD.TH-NHQĐ- HCM Ngân hàng TMCP	13,2%/năm	36 tháng	113.889.860	113.889.860	Tài sản
019/2007/NHQĐ- HCM/HĐTDDH Ngân hàng TMCP Quân đội	7,2%/năm	36 tháng	1.257.906.780	1.257.906.780	Tài sản
70201018/HĐTĐ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn CN Nam Sài Gòn	13,2%/năm	60 tháng	37.711.607.200	15.000.000.000	Tài sản
Ngân hàng Liên Việt Chi nhánh Tân Bình 4709/TB-HĐTĐ và PL	Theo từng khế ước	40 tháng	1.616.800.000	626.400.000	Tài sản
Ngân hàng Liên Việt Chi nhánh Tân Bình 13909/TB-HĐTĐ	Theo từng khế ước	36 tháng	485.000.000	180.000.000	Tài sản
Cộng			41.345.503.840	17.317.296.640	

H.Đ.
TRÁC
DỊCH
AI CHỈ
VÀ KIE
(TP. H
TP. H

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối
1. Số dư đầu kỳ này	150.000.000.000	36.870.650.000	(619.296.562)	-	10.513.516.872	2.750.916.817	-	9.381.184.895
2. Tăng trong kỳ này	-	-	(655.948.523)	(8.714.496)	8.623.433	5.405.438	783.719.917	35.262.041.287
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	35.126.046.945
Tăng khác trong kỳ	-	-	(655.948.523)	(8.714.496)	8.623.433	5.405.438	783.719.917	135.994.342
3. Giảm trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	510.000.000	10.735.862.388
Phân phối LN trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
LN phải trả cho Công ty TNHH Acset Indonusa (*)	-	-	-	-	-	-	-	2.432.962.088
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	510.000.000	6.000.000.000
Giảm khác trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	2.302.900.300
4. Số dư cuối kỳ này	150.000.000.000	36.870.650.000	(1.275.245.085)	(8.714.496)	10.522.140.305	2.756.322.255	273.719.917	33.907.363.794

(*) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả Công ty TNHH Acset Indonusa (Việt Nam) theo Hợp đồng chi tiết phân chia trách nhiệm và lợi nhuận trong liên doanh ký kết ngày 02 tháng 01 năm 2009 của Dự án phát triển nhà ở Estella - Giai đoạn 1

17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vốn góp của Tổng công ty Xây dựng Hà Nội	28.495.320.000	28.495.320.000
Vốn góp của cổ đông khác	121.504.680.000	121.504.680.000
Cộng	150.000.000.000	150.000.000.000

17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ tức năm 2008 đã chia	6.000.000.000	10.143.278.742

17.4. Cổ phiếu	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.000.000	15.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi quyền biểu quyết</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi quyền biểu quyết</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	(85.016)	(41.286)
+ <i>Do Công ty con mua (xác định tương ứng với tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ)</i>	(85.016)	(41.286)
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10.000	10.000

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KD HỢP NHẤT

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu xây lắp các công trình và dự án	613.591.926.621	474.186.433.582
Doanh thu cung cấp bê tông và cho thuê máy móc thiết bị	3.588.744.509	20.355.751.248
Doanh thu dịch vụ tư vấn thiết kế	5.512.936.133	12.608.279.220
Doanh thu khoan khảo sát địa chất	679.731.591	1.623.203.636
Doanh thu thi công khoan cọc nhồi	2.343.708.460	975.977.272
Doanh thu khác	897.427.424	696.592.092
Cộng	626.614.474.738	510.446.237.050

19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giảm giá hàng bán	715.065.882	150.657.491
Cộng	715.065.882	150.657.491

20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu thuần xây lắp các công trình và dự án	612.876.860.739	474.035.776.091
Doanh thu thuần cung cấp bê tông và cho thuê máy móc thiết bị	3.588.744.509	20.355.751.248
Doanh thu thuần dịch vụ tư vấn thiết kế	5.512.936.133	12.608.279.220
Doanh thu thuần khoan khảo sát địa chất	679.731.591	1.623.203.636
Doanh thu thuần thi công khoan cọc nhồi	2.343.708.460	975.977.272
Doanh thu thuần khác	897.427.424	696.592.092
Cộng	625.899.408.856	510.295.579.559

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn xây lắp các công trình và dự án	564.426.305.895	444.380.683.006
Giá vốn cung cấp bê tông và cho thuê máy móc thiết bị	1.250.508.810	18.233.405.774
Giá vốn tư vấn thiết kế	2.164.244.367	8.478.716.870
Giá vốn khoan khảo sát địa chất	489.087.031	1.420.500.340
Giá vốn thi công khoan cọc nhồi	2.185.789.513	332.071.702
Giá vốn khác	676.264.782	609.813.587
Cộng	571.192.200.398	473.455.191.279

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.712.120.742	17.710.260.327
Bán cổ phiếu	11.511.130.000	13.339.780.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.375.279.925	2.468.479.885
Lãi bán hàng trả chậm	-	219.578.464
Lãi trái phiếu	148.256.000	200.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	443.033.752	189.859.085
Doanh thu tài chính khác	205.182.640	697.722.214
Cộng	24.395.003.059	34.825.679.975

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí lãi vay	9.674.566.358	20.782.406.415
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	500.000.000	1.001.664.000
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(1.001.664.000)	-
Chi phí tài chính khác	266.573	-
Cộng	9.173.168.931	21.784.070.415



24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản, phế liệu	1.121.576.472	4.876.287.295
Thu nhập từ tài sản đem góp vốn	-	1.596.202.279
Lãi trả chậm thanh toán theo hợp đồng	-	269.741.740
Cho thuê thiết bị thi công	-	90.830.330
Tiền phạt các đội thi công	-	55.326.791
Hoàn nhập công nợ phải trả khách hàng	2.559.708.857	-
Thu nhập khác	345.140.282	382.918.891
Cộng	4.026.425.611	7.271.307.326

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá trị còn lại TSCĐ, công cụ dụng cụ	523.864.091	2.071.167.714
Chi phí thu hồi vật tư	-	592.971.333
Chi phí thi công công trình đã quyết toán trong năm 2007	-	390.610.454
Các khoản chi không có hóa đơn tài chính	-	27.632.105
Chi phí khác	398.107.453	96.690.243
Cộng	921.971.544	3.179.071.849

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành của Công ty mẹ	7.939.192.180	3.206.647.645
Chi phí thuế thu nhập hiện hành của Công ty con	1.303.594.116	1.332.884.502
Cộng	9.242.786.296	4.539.532.147

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.126.046.945	21.560.139.495
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (lãi phải trả cho các bên hợp tác kinh doanh)	2.432.962.088	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	32.693.084.857	21.560.139.495
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông tăng bình quân trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông giảm bình quân trong kỳ	85.016	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.914.984	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.192	1.437

H.Đ. (C)
TRÁCH NHIỆM
DỊCH VỤ
CHÍNH SÁCH
KIỂM TOÁN
HÀ NỘI
TỔ CHỨC



VIII. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu



Lê Văn Thanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Quỳnh Loan



Tổng Giám đốc

Viên Ngọc Bảo

